116244.22

CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÁN VỐN THEO THÔNG TƯ SỐ 41/2016/TT-NHNN

Cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

116244.22

Phương pháp công bố thông tin

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của VIB và được đăng tải 6 tháng một lần (theo quy định) hoặc sớm hơn, tại website của ngân hàng theo đường dẫn:

https://vib.com.vn/wps/portal/about/shareholder/shareholder-info

Cam kết của Ban lãnh đạo về công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trong báo cáo này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

116244.22

TỔNG QUAN

Tổng quan về thông tư 41 và Basel II

Nội dung công bố thông tin

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

Tóm tắt thông tin các chỉ tiêu công bố chính

Phương pháp quản trị và tính toán

VỐN TỰ CÓ

Cấu trúc vốn tự có

Tình hình vốn tự có

Phương pháp quản trị và tính toán

RỦI RO TÍN DỤNG

Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Chính sách về quản trị rủi ro thị trường

Công bố thông tin về rủi ro thị trường

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu về VIB

Quản trị rủi ro và các hệ số an toàn của VIB

Phương pháp công bố thông tin và cam kết của ban lãnh đạo

116244.22

TỔNG QUAN

1 Tổng quan về thông tư 41 và Basel II

Áp dụng tiêu chuẩn Basel II là một yêu cầu cấp thiết cho các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm đảm bảo tính an toàn của hoạt động ngân hàng và tạo ra sự phòng vệ trước những rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Tháng 12 năm 2016, Thông tư 41/2016/TT-NHNN được chính thức ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đưa hệ thống ngân hàng Việt Nam tiến gần hơn với các tiêu chuẩn quốc tế.

Thông tư 41 quy định về phần lớn nội dung của hai trong ba trụ cột Basel II: Hệ số an toàn vốn (CAR) và Công bố thông tin (Disclosure of information). Thông tư cung cấp cho các ngân hàng hướng dẫn rõ ràng và cụ thể về cách tính CAR, ở đó rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường đều được cân nhắc tới. Bên cạnh việc đưa ra các quy định và hướng dẫn, Thông tư 41 cũng phần nào thúc đẩy các ngân hàng tìm ra những chiến lược và mục tiêu kinh doanh ít rủi ro hơn, cũng như dành ưu tiên cho những khoản vay đủ điều kiện áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Để tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về triển khai Chuẩn mực vốn Basel II tại Việt Nam, tháng 5 năm 2018, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ đối của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó có cấu phần quy định về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) thuộc trụ cột 2 của Basel II.

Tháng 8 năm 2022, NHNN đã ban hành Quyết định 1382/QĐ-NHNN v/v ban hành kế hoạch hành động của ngành triển khai thực hiện Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025", trong đó có nhiều nội dung về việc tiếp tục triển khai Basel II theo phương pháp nâng cao, mục tiêu hoàn thành trước 2025. Như vậy, sau khi ban hành Thông tư 41 năm 2016 và Thông tư 13 năm 2018 nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc triển khai Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn với đầy đủ cả 3 trụ cột, NHNN đang tiếp tục định hướng các TCTD tiếp tục nâng cao năng lực phân tích dữ liệu, xây dựng mô hình và quản trị rủi ro thông qua lộ trình triển khai Basel theo phương pháp nâng cao.

Nội dung công bố thông tin

Thực hiện nội dung quy định Thông tư 41, VIB thực hiện công bố thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn tại điều 20 – Thông tư 41, tối thiểu 6 tháng/lần theo năm tài chính dựa trên các nội dung quy định tại Phụ lục 5 –Thông tư này và các nội dung VIB chủ động công bố khác không theo quy định.

Phạm vi tính toán

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được tính trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con. Tại thời điểm 30/06/2022, Ngân hàng VIB có một công ty con sở hữu trực tiếp là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (viết tắt VIB AMC) và không phát sinh các khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

116244.22

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

2 Hệ số an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn (**CAR**) tính theo đơn vị phần trăm (%) được xác định bằng công thức:

$$CAR = \frac{C}{RWA + 12{,}5(K_{OR} + K_{MR})} \times 100\%$$

Trong đó:

- **C**: Vốn tự có;
- **RWA**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng;
- **K_{OR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động;
- **K_{MR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường.

VIB đã ban hành quy định Quản trị tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Thông tư 41 nhằm đưa ra nguyên tắc, mô hình quản trị tỷ lệ, các yêu cầu về hệ thống công nghệ thông tin và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác đo lường, giám sát và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn.

Hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn của VIB đã được tự động hóa dựa trên nền tảng dữ liệu các hệ thống lõi của ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, Hội đồng Vốn nhằm kiểm soát hoạt động kinh doanh, đảm bảo tỷ lệ CAR tuân thủ khẩu vị rủi ro và các hạn mức đã được phê duyệt.

Tỷ lệ an toàn vốn	30/06/2022 tỷ đồng, %	31/12/2021 tỷ đồng, %
Báo cáo hợp nhất		
Vốn tự có	32,869	28,974
Vốn cấp 1	28,208	24,359
Vốn cấp 2	4,680	4,634
Các khoản giảm trừ	19	19
Tổng tài sản có rủi ro	286,419	247,313
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng	255,451	221,234
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	725	574
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	914	25
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	2,346	2,015
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	9.85%	9.85%
Tỷ lệ an toàn vốn	11.48%	11.72%
Báo cáo riêng lẻ		
Vốn tự có	32,828	28,934
Vốn cấp 1	28,171	24,320
Vốn cấp 2	4,676	4,634
Các khoản giảm trừ	19	19
Tổng tài sản có rủi ro	286,404	246,795

116244.22

Tỷ lệ an toàn vốn	30/06/2022 tỷ đồng, %	31/12/2021 tỷ đồng, %
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng	255,576	221,359
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	725	574
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	73	25
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	2,335	2,003
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	9.84%	9.83%
Tỷ lệ an toàn vốn	11.46%	11.70%

116244.22

VỐN TỰ CÓ

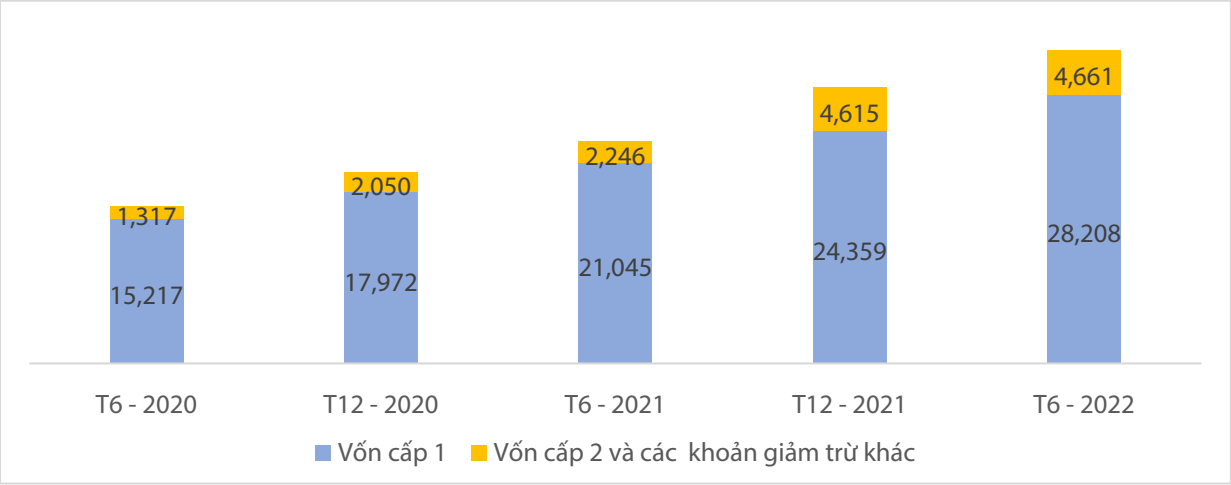
3 Quản trị vốn tự có

3.1. Cấu trúc vốn tự có

Công cụ vốn chủ sở hữu của VIB tại thời điểm 31/12/2021 chỉ bao gồm cổ phiếu thường. Ngân hàng chưa phát sinh các công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ như cổ phiếu ưu đãi cổ tức và các công cụ vốn chủ sở hữu khác đáp ứng theo điều kiện Thông tư 41.

3.2. Tình hình vốn tự có

Vốn tự có của VIB có sự tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm đến từ sự tăng trưởng bền vững từ vốn cấp 1.



3.3. Phương pháp quản trị và tính toán

Vốn tự có bao gồm tổng Vốn cấp 1 và cấp 2 trừ đi các khoản giảm trừ quy định tại Phụ Lục 1 Thông tư 41. Vốn tự có được thường xuyên giám sát và quản lý bởi Hội đồng Vốn, trong đó các phương án tăng vốn được đưa ra phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng.

VIB đã lập các phương án tăng vốn khác nhau nhằm phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản của Ngân hàng dưới sự cho phép của Ngân hàng Nhà nước. VIB đã và đang xây dựng, triển khai các kế hoạch nhằm tăng vốn tự có, đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế thông qua các giải pháp:

- Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thưởng trích từ lợi nhuận giữ lại và các quỹ;
- Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông hiện hữu và cổ đông mới;
- Tăng vốn cấp 2 từ việc phát hành trái phiếu;

Để đảm bảo công tác quản trị vốn hiệu quả và an toàn, VIB thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn tối thiểu (ICAAP) cho 3 năm tiếp theo. Công tác này được thực hiện định kỳ tối thiểu 1 năm/ lần nhằm đảm bảo mức đủ vốn duy trì tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi, làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh của ngân hàng.

116244.22

RỦI RO TÍN DỤNG

4 Chính sách quản trị và công bố thông tin về rủi ro tín dụng

4.1. Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/ lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định các chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc (TGĐ) quy định về các quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện cũng như các hạn mức rủi ro tín dụng theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các chính sách này được thẩm định, kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

Về hoạt động phê duyệt tín dụng, VIB giao thẩm quyền phê duyệt cho các cá nhân, và tập thể theo từng Khối kinh doanh trên nguyên tắc phân định rõ chức năng và phạm vi phê duyệt, cụ thể:

Đối với Khối Ngân hàng bán lẻ (NHBL): thẩm quyền phê duyệt được giao cho các cá nhân với hạn mức phù hợp, dựa trên bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng. Mức thẩm quyền này sẽ được giám sát thường xuyên, tối thiểu 3 tháng/ lần, đồng thời, bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng cũng được rà soát phù hợp với khẩu vị rủi ro từng thời kỳ. Đối với thẩm quyền phê duyệt có hạn mức cao hơn, VIB giao thẩm quyền phê duyệt cho Cấp Ủy ban tín dụng (UBTD) trở lên.

Đối với Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN): VIB chủ yếu giao hạn mức phê duyệt tập trung cho cấp UBTD trở lên. Đối với cấp phê duyệt cá nhân, VIB chỉ giao hạn mức thẩm quyền phê duyệt cho 1 số cá nhân theo một số sản phẩm đặc thù có chọn lọc.

Trước những thông tin tiêu cực dẫn đến sự biến động của thị trường trong giai đoạn nửa đầu năm 2022, VIB đã có sự rà soát và điều chỉnh kịp thời chính sách về hạn mức rủi ro tín dụng và các văn bản về chính sách tín dụng nhằm phù hợp với định hướng kinh doanh của VIB trong giai đoạn đầy tiềm ẩn rủi ro này.

Các chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do tác động của dịch Covid-19 cũng đã được VIB triển khai đồng bộ theo định hướng của NHNN.

Về tài sản đảm bảo(TSĐB):

Để kiểm soát chất lượng tài sản dùng làm TSĐB tại VIB, VIB hầu hết sử dụng dịch vụ định giá của VIB AMC, các bên thứ ba để thực hiện định giá TSBĐ và chỉ giao thẩm quyền định giá cho đơn vị kinh doanh với tài sản ít rủi ro và hạn mức thấp. Ngân hàng cũng từng bước tiếp tục tập trung hóa công tác định giá cho VIB AMC, giảm dần định giá từ bên thứ ba.

Kiểm soát rủi ro sau cấp tín dụng:

Việc kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện qua việc nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý, kếp hợp với các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống. Các chốt kiểm soát, vùng rủi ro nhận dạng được sẽ qua các phòng chức năng để đo lường, đánh giá, xử lý sớm cũng như phân tích nguyên nhân phát sinh để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa phát sinh từ góc độ hệ thống, quy trình, chính sách.

Ngoài ra, VIB đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các mô hình rủi ro tín dụng cho phân khúc cho vay bán lẻ theo phương pháp Basel nâng cao (Basel Advance Internal Rating Model). Kỹ thuật phân tích, xây dựng mô hình và báo cáo quản trị danh mục đang được ứng dụng sâu rộng vào việc phân tích rủi ro và điều chỉnh chính sách định kỳ tại VIB. Từ đó, VIB sẽ chọn lựa được các phân khúc khách hàng tốt, độ rủi ro thấp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng phát triển và mở rộng của Khối NHBL.

Việc ứng dụng sâu rộng các mô hình trong hoạt động tín dụng của VIB cũng nằm trong lộ trình triển khai Basel theo phương pháp nâng cao đã được ngân hàng thống nhất và công bố từ năm 2020. VIB vẫn đang triển khai nhất quán và quyết

116244.22

liệt lộ trình này với mục tiêu ứng dụng các thông lệ quốc tế, đặc biệt là các thông lệ về quản trị rủi ro vào hoạt động kinh doanh.

4.2. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư 41.

Tài sản có rủi ro tín dụng	30/06/2022 tỷ đồng	31/12/2021 tỷ đồng, %	Thay đổi %
Báo cáo hợp nhất			
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	255,451	221,234	15%
Khoản phải đòi Chính Phủ	15.118	15	3%
Khoản phải đòi Định chế tài chính	64,052	48,548	32%
Khoản phải đòi Doanh nghiệp	36,628	35,886	2%
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	11,460	7,999	43%
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	13,625	12,068	13%
Khoản phải đòi Bán lẻ	121,246	108,741	11%
Nợ xấu	5,412	5,250	3%
Các loại tài sản khác	3,013	2,725	11%
Báo cáo riêng lẻ			
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	255,576	221,359	15%
Khoản phải đòi Chính Phủ	15	15	0%
Khoản phải đòi Định chế tài chính	64,052	48,548	32%
Khoản phải đòi Doanh nghiệp	36,628	35,886	2%
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	11,460	7,999	43%
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	13,625	12,068	13%
Khoản phải đòi Bán lẻ	121,246	108,741	11%
Nợ xấu	5,412	5,250	3%
Các loại tài sản khác	3,138	2,851	10%

4.3. Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm độc lập

Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm: Moody's, Standard & Poor, Fitch Rating.

Việc quy đổi thứ hạng tín nhiệm được thực hiện theo quy định của NHNN tại điều 5 thông tư 41.

Standard & Poor's	Moody's	Fitch Rating
AAA, AA+, AA, AA-	Aaa, Aa1, Aa2, Aa3	AAA, AA+, AA, AA-
A+, A, A-	A1, A2, A3	A+, A, A-
BBB+, BBB, BBB-	Baa1, Baa2, Baa3	BBB+, BBB, BBB-
BB+, BB, BB-	Ba1, Ba2, Ba3	BB+, BB, BB-

116244.22

B+, B, B-	B1, B2, B3	B+, B, B-
CCC+ và thứ hạng thấp hơn	Caa1 và thứ hạng thấp hơn	CCC+ và thứ hạng thấp hơn

Tại kỳ báo cáo 30/06/2022, các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm của các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn như sau:

Xếp hạng tín nhiệm	HSRR	30/06/2022 tỷ đồng	31/12/2021 tỷ đồng
Khoản phải đòi Chính phủ, NH TW các nước, tổ chức công lập của chính phủ, chính quyền địa			
AAA, AA+, AA, AA-	0%	-	-
A+, A, A-	20%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	-	-
Khoản phải đòi Tổ chức tài chính nước ngoài, chi nhánh NH nước ngoài tại VN			
AAA, AA+, AA, AA-	20%	31	26
A+, A, A-	50%	47	42
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB,BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc Không có xếp	150%	-	-
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên)			
AAA, AA+, AA, AA-	20%	-	-
A+, A, A-	50%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB,BB-	80%	7,256	6,409
B+, B, B-	100%	34,344	34,296
Dưới B- hoặc Không có xếp	150%	3,330	1,916
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu dưới 3 tháng)			
AAA, AA+, AA, AA-	10%	-	-
A+, A, A-	20%	444	-
BBB+, BBB, BBB-	20%	180	-
BB+, BB,BB-	40%	200	2,269
B+, B, B-	50%	7,523	2,989
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	1,726	601

4.4. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

116244.22

Tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành	30/06/2022 tỷ đồng	31/12/2021 tỷ đồng	Thay đổi %
Tổng	252,438	218,509	16%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	150,221	132,610	13%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3,937	3,944	-0.2%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	203	141	44%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	68,086	55,636	22%
Hoạt động dịch vụ khác	874	928	-6%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	174	198	-12%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	9,115	6,530	40%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	10,100	9,395	8%
Xây dựng	2,292	1,910	20%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	646	533	21%
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	97	65	50%
Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	1	2	-26%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	21	23	-6%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	539	558	-3%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1,655	1,812	-9%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	53	60	-12%
Khai khoáng	993	1,231	-19%
Vận tải kho bãi	2,312	2,167	7%
Giáo dục và đào tạo	467	360	30%
Thông tin và truyền thông	650	407	60%

4.5. Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

116244.22

Tại thời điểm 30/06/2022, danh mục rủi ro tín dụng của VIB được giảm thiểu bằng 02 biện pháp chính là sử dụng tài sản đảm bảo và thực hiện bù trừ nội bảng. Ngân hàng chưa phát sinh các khoản cho vay được bảo lãnh bởi bên thứ 3 hay sử dụng các công cụ phái sinh tín dụng.
Danh mục tài sảm đảm bảo và bù trừ nội bảng tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Thông tư 41.

	30/06/2022		31/12/2021	
Giảm thiểu rủi ro tín dụng	Trước giảm thiểu tỷ đồng	Sau giảm thiểu tỷ đồng	Trước giảm thiểu tỷ đồng	Sau giảm thiểu tỷ đồng
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng, trong đó:	264,636	252,438	226,067	218,509
Giảm thiểu bằng tài sản đảm bảo	2,553	638	4,396	793
Giảm thiểu bằng bù trừ nội bảng	1,928	156	2,071	314
Giảm thiểu bằng bảo lãnh của bên thứ 3	-	-	-	-
Giảm thiểu bằng phái sinh tín dụng	-	-	-	-
Không áp dụng các biện pháp giảm thiểu	260,155	251,644	219,600	217,402

4.6. Công bố thông tin về rủi ro tín dụng đối tác

	30/06/2022	31/12/2021	Thay đổi
Tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	tỷ đồng	tỷ đồng	tỷ đồng
Tổng	725	574	151
Giao dịch tự doanh	161	263	-103
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo		0	
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	561	308	253
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác	3	2	1

116244.22

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

5 Chính sách quản trị và công bố thông tin về rủi ro hoạt động

5.1. Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Mô hình vận hành cũng như chính sách và chiến lược quản lý rủi ro hoạt động hiện hành đáp ứng đúng yêu cầu và đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động tiếp tục được duy trì, các Khối/Ban tại VIB đã triển khai và thực hiện nhất quán theo đúng quy định.

VIB đã xây dựng, triển khai cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin giữa ba tuyến bảo vệ, đảm bảo hoạt động hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các tuyến bảo vệ được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, giúp các sự cố rủi ro hoạt động được cập nhật liên tục và phân tích để đưa ra các chốt chặn kiểm soát, các phương án khắc phục giảm thiểu tối đa các rủi ro xảy ra. Tổn thất rủi ro hoạt động được giám sát thường xuyên đảm bảo tuân thủ hạn mức đã ban hành.

5.2. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

VIB đã thực hiện đầy đủ việc xây dựng, kiểm thử kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP) cho toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn được duy trì liên tục trước các tình huống gián đoạn và đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Đặc biệt với việc linh hoạt trong tình huống và liên tục điều chỉnh các nội dung trong kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh của các Khối/Ban trong thời gian qua, kết hợp với triển khai một số ứng dụng công nghệ hỗ trợ mới, VIB đã và đang đảm bảo hoạt động kinh doanh của toàn hàng một cách ổn định trong suốt thời gian diễn ra đại dịch Covid.

5.3. Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động được xác định trên 15% chỉ số kinh doanh trung bình của 3 quý (quý gần nhất và quý tương ứng của 2 năm liền kề trước năm tính toán). Chỉ số kinh doanh được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 41.

	30/06/2022	31/12/2021	Thay đổi
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	tỷ đồng	tỷ đồng	%
Báo cáo hợp nhất			
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	2,346	2,015	16%
Chỉ số BI - Quý gần nhất	19,830	17,530	13%
Chỉ số BI - cùng Quý năm trước	15,907	13,059	22%
Chỉ số BI - cùng Quý hai năm trước	11,190	9,715	15%
Báo cáo riêng lẻ			
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	2,335	2,003	17%
Chỉ số BI - Quý gần nhất	20,201	17,419	16%
Chỉ số BI - cùng Quý năm trước	15,375	12,985	18%
Chỉ số BI - cùng Quý hai năm trước	11,126	9,659	15%

116244.22

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

6 Chính sách quản trị và công bố thông tin về rủi ro thị trường

6.1. Chính sách về quản lý rủi ro thị trường

Chính sách quản trị rủi ro thị trường nằm trong Chính sách quản trị rủi ro do HĐQT ban hành nhằm đưa ra các nguyên tắc quản trị rủi ro thị trường, nguyên tắc phòng ngừa và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro thị trường. Để triển khai hiệu quả công tác quản trị rủi ro thị trường, Tổng giám đốc ban hành quy định quản trị rủi ro thị trường, quy định các hạn mức rủi ro thị trường dựa trên tham mưu, tư vấn của Hội Đồng Rủi ro.

Mô hình quản lý rủi ro thị trường tại VIB là mô hình vận hành thường xuyên và xuyên suốt tất cả hoạt động trên Sổ kinh doanh của ngân hàng. Các trạng thái rủi ro thị trường và tình hình tuân thủ hạn mức nội bộ được giám sát chặt chẽ và báo cáo hàng ngày để hạn chế các tổn thất tài chính có thể xảy ra do biến động bất lợi của yếu tố giá cả thị trường. Quan điểm thận trọng và luôn đảm bảo các chỉ số về rủi ro thị trường tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, đối tác và các hạn mức nội bộ ở mức an toàn và hiệu quả.

Năm 2022, VIB đã xây dựng và vận hành thành công hệ thống quản trị và đo lường rủi ro thị trường theo tiêu chuẩn nâng cao (IMA) của Basel 2 và trở thành một trong các ngân hàng tiên phong trên thị trường áp dụng kỹ thuật đo lường rủi ro thị trường cao hơn chuẩn mực quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh được Khối nguồn vốn-ngoại hối xây dựng và thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro của HĐQT và diễn biến của thị trường nhằm thu lợi nhuận từ biến động về tỷ giá, lãi suất hoặc thu chênh lệch giá từ các thị trường và khách hàng khác nhau. Thực hiện chiến lược tự doanh cũng góp phần gia tăng thị phần kinh doanh, nâng cao uy tín của VIB trên thị trường cũng như kết hợp bán chéo các sản phẩm khác.

Chiến lược tự doanh được Khối nguồn vốn-ngoại hối xây dựng và thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro của HĐQT và diễn biến của thị trường nhằm thu lợi nhuận từ biến động về tỷ giá, lãi suất hoặc thu chênh lệch giá từ các thị trường và khách hàng khác nhau, Thực hiện chiến lược tự doanh cũng góp phần gia tăng thị phần kinh doanh, nâng cao uy tín của VIB trên thị trường cũng như kết hợp bán chéo các sản phẩm khác.

Danh mục thuộc sổ kinh doanh

Danh mục thuộc sổ kinh doanh tại thời điểm 30/06/2022: toàn bộ danh mục kinh doanh ngoại hối của ngân hàng bao gồm trạng thái giao dịch ngoại tệ giao ngay, giao dịch ngoại tệ kỳ hạn và danh mục kinh doanh hoán đổi ngoại hối.

6.2. Công bố thông tin về rủi ro thị trường

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường bao gồm vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. VIB không thực hiện các hoạt động kinh doanh cổ phiếu, hàng hóa và giao dịch quyền chọn nên không phát sinh vốn yêu cầu cho các rủi ro này.

Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất được xác định dựa trên vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất cụ thể phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố liên quan đến từng nhà phát hành và vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất chung phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố lãi suất thị trường, được tính toán theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 41.

Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối, theo quy định tại Thông tư 41, chỉ áp dụng đối với trường hợp tổng trạng giá trị trạng thái ngoại hối ròng (bao gồm cả vàng) lớn hơn 2% vốn tự có của ngân hàng. Tại thời điểm 30/06/2021, tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng tại VIB nhỏ hơn 2% vốn tự có, do vậy vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối bằng 0.

	30/06/2022	31/12/2021	Thay đổi

116244.22

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	tỷ đồng	tỷ đồng	tỷ đồng
Tổng	73	25	48
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	73	25	48
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-	-	-

THÔNG TIN CHUNG VỀ VIB

7 Giới thiệu và định hướng quản trị rủi ro

7.1. Giới thiệu về VIB

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc Tế (VIB) được thành lập ngày 18 tháng 9 năm 1996, hiện trụ sở của Ngân hàng ở địa chỉ Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30/06/2022, sau hơn 25 năm hoạt động, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với vốn chủ sở hữu đạt hơn 28.200 tỷ đồng. VIB hiện có gần 10.000 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 175 đơn vị kinh doanh bao gồm Hội sở chính chi nhánh và phòng giao dịch tại các tỉnh/ thành phố trọng điểm trong cả nước.

VIB có cơ cấu điều hành lành mạnh và áp dụng các chuẩn mực về quản lý rủi ro, là Ngân hàng tư nhân đầu tiên hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II ở Việt Nam, và là 1 trong 5 ngân hàng đầu tiên ở Việt Nam không còn dư nợ trái phiếu VAMC.

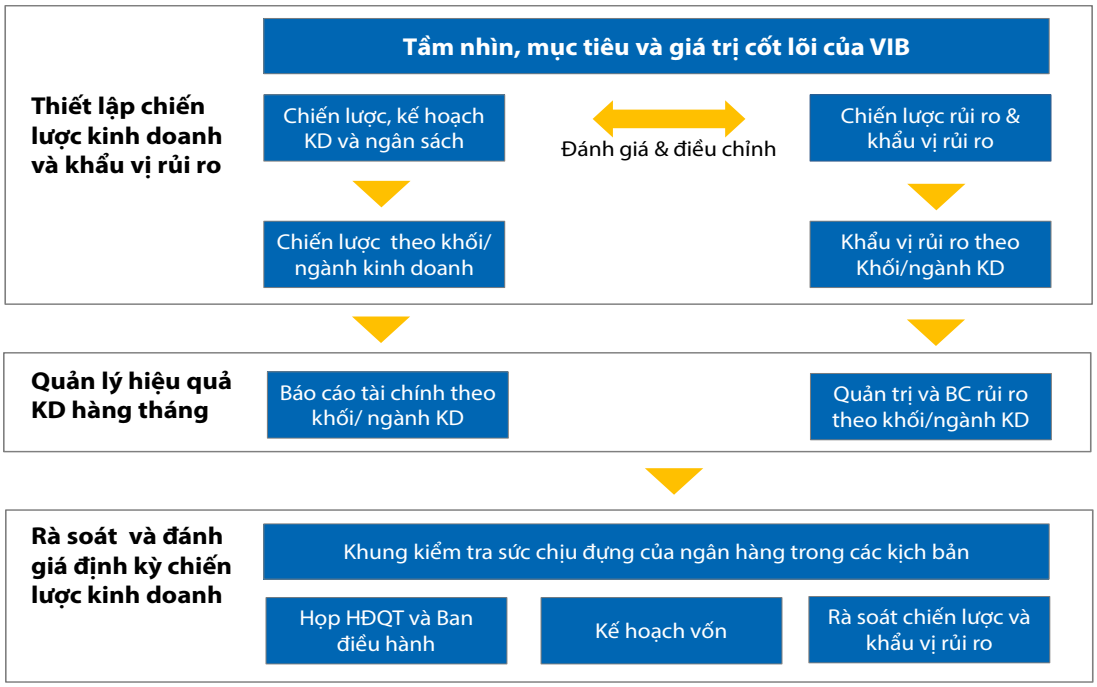
VIB đứng Số 1 về tăng trưởng cho vay bán lẻ; Số 1 về chi tiêu thẻ tại Việt Nam theo ghi nhận của Mastercard; và số 1 về doanh số Banca toàn quốc.VIB có thị phần số 1 cho vay mua ô tô kể từ năm 2017; Số 1 về tăng trưởng cho vay bán lẻ; Số 1 về chi tiêu thẻ tại Việt Nam năm 2019 theo ghi nhận của Mastercard; và số 1 về doanh số Banca toàn quốc.

7.2. Quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế và lộ trình tuân thủ các chuẩn mực Basel

Chiến lược và khẩu vị rủi ro

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho 3 năm liên tiếp, thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/ lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị quy định các Chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc sẽ quy định các hạn mức cụ thể theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các hạn mức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

116244.22



VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho tất cả các rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và rủi ro tuân thủ. Trong đó Chính sách chú trọng đưa ra các nguyên tắc quản lý rủi ro và nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro quy định chi tiết về tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu, các chỉ tiêu về thu nhập, chiến lược quản lý đối với từng loại rủi ro của ngân hàng. Đối với rủi ro tín dụng, rủi ro trọng yếu nhất của ngân hàng, VIB quy định cụ thể chiến lược và hạn mức tín dụng theo từng Khối kinh doanh, chi tiết định hướng những ngành nghề ưu tiên/ hạn chế và các giới hạn cấp tín dụng theo sản phẩm vay, khách hàng hoặc nhóm khách hàng và theo loại hình tài sản đảm bảo.

Tình hình thực hiện 3 trụ cột của Basel II

Sau khi trở thành Ngân hàng đầu tiên công bố hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II theo yêu cầu của thông tư 41/2016/TT-NHNN và thông tư 13/2018/TT-NHNN vào tháng 12/2019, VIB tiếp tục đầu tư mạnh vào việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo định hướng chuyển đổi số hóa mạnh các hoạt động kinh doanh.

Đồng thời, VIB luôn chú trọng việc rà soát và xác định các loại rủi ro trọng yếu. Các rủi ro trọng yếu của VIB bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và rủi ro tuân thủ. Việc nhận diện các rủi ro trọng yếu được xác định dựa trên việc đánh giá tác động của rủi ro đến từng loại hoạt động kinh doanh trọng yếu theo các tiêu chí tài chính và phí tài chính, đồng thời đánh giá hiệu quả của việc kiểm soát rủi ro để xác định rủi ro còn tồn tại của Ngân hàng để làm nền tảng đầy đủ cho công tác quản trị ngân hàng và thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.

Dựa trên việc nhận diện rủi ro trọng yếu, hệ thống các văn bản, quy trình, quy định liên tục được rà soát, cập nhật định kỳ hoặc ngay khi có yêu cầu thay đổi từ môi trường kinh doanh, các quy định của cơ quan quản lý. VIB thực hiện đồng bộ việc rà soát, ban hành quy định và triển khai quy định trên các hệ thống tác nghiệp trong ngân hàng, đề cao tính tuân thủ và tối ưu hiệu quả hoạt động.

Từ sau khi hoàn thành 3 trụ cột Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, VIB tập trung triển khai các mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng, loại rủi ro chiếm tới trên 90% Tổng tài sản có rủi ro của Ngân hàng. Trong năm 2022, VIB sẽ hoàn tất việc ứng dụng toàn bộ thẻ điểm chấm điểm khách hàng tại

116244.22

thời điểm đề xuất vay vốn để hỗ trợ việc ra quyết định cấp tín dụng. Các thẻ điểmđánh giá khách hàng sau giải ngân cũng đã được ứng dụng sâu rộng vào việc nhận diện rủi ro sớm, tăng hạn mức, bán chéo sản phẩm. Ngoài các mô hình/ thẻ điểm phục vụ trực tiếp việc ra quyết định tín dụng, VIB cũng phát triển các mô hình đo lường tổn thất vốn dự kiến theo phương pháp Xếp hạng tín dụng nội bộ nâng cao của Basel đối với các phân khúc bán lẻ để áp dụng vào việc lượng hóa rủi ro và trong hoạt động tín dụng của ngân hàng, điều chỉnh lãi suất cho vay theo rủi ro, cũng như định vị phân khúc kinh doanh chủ lực, tiếp đó là mục tiêu quản trị Vốn. Lộ trình triển khai sẽ bám sát các hướng dẫn của NHNN về việc áp dụng Basel theo phương pháp nâng cao trong quản lý và vận hành với mục tiêu ứng dụng các phương pháp quản trị rủi ro tiên tiến vào quyết định kinh doanh. Với việc NHNN ban hành quyết định 1382 vào tháng 7 năm 2022, trong đó đề cập tới mục tiêu hoàn thành Basel phương pháp nâng cao trước năm 2025, VIB tự tin hoàn thành và ứng dụng toàn bộ các mô hình theo Basel AIRB trước thời điểm này.

Để thực hiện được lộ trình triển khai Basel theo phương pháp nâng cao, VIB đã đầu tư mạnh về hệ thống công nghệ. Các hệ thống được lên kế hoạch và quản lý đồng bộ thiết kế đồng bộ, hỗ trợ nghiệp vụ tín dụng từ khâu khởi tạo khoản vay tới khi tất toán theo định hướng số hóa, rút ngắn thời gian thu thập thông tin đồng thời kiểm tra chéo tính chính xác của dữ liệu thu thập thông qua việc liên thông các hệ thống; tiếp đó là Hệ thống giải pháp tín dụng, tiếp nhận và xử lý thông tin từ khâu khởi tạo, xếp hạng tín dụng, thẩm định, phê duyệt khoản vay, quản lý tài sản đảm bảo và hạn mức của khách hàng. Hệ thống giải pháp tín dụng sẽ tiếp tục được liên thông với Hệ thống Ngân hàng lõi (Core banking) và hệ thống Thu hồi nợ (Debt collection System) để thu thập thông tin phát sinh trong toàn bộ vòng đời của khoản vay và đảm bảo sự đồng bộ của dữ liệu. Với việc đầu tư và đồng bộ các hệ thống này và định hướng tập trung vào Ngân hàng bán lẻ, VIB hướng tới việc sử dụng dữ liệu để phân tích rủi ro và điều chỉnh ngược lại các quyết định kinh doanh. Tới nay, các dự án lớn về triển khai hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ các nghiệp vụ của ngân hàng vẫn liên tiếp được khởi tạo, triển khai quyết liệt và đưa vào sử dụng, phù hợp chiến lược chuyển đổi ngân hàng.

Trụ cột	Hạng mục	NHNN yêu cầu	VIB đáp ứng
Trụ cột 1	Thời gian hoàn thành	01/01/2020	01/01/2019
	CAR tối thiểu	8,0%	10,34%
	Sửa đổi ban hành chính sách liên quan	Yêu cầu	Đáp ứng
	Công cụ đo lường CAR chính xác	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 2	Thời gian hoàn thành	01/01/2021	01/12/2019
	Quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 3	Thời gian hoàn thành	01.01.2020	01.01.2019
	Công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn	Yêu cầu	Đáp ứng

Tổng Giám đốc

Hàn Ngọc Vũ